

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/9/2021

V/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà lâm Thị Mỹ Kỳ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hưng Quang

Bà Thái Thị Dung

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Hán Tấn Tiến – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:***  
Ông Lâm Đa Cha – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST-DS, ngày 10/9/2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn C** – sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: ông **Trương H** – sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn 01, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn C trình bày:

Bà và ông Trương H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và sống với nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho ông bà, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 2010.

Sau khi cưới thì bà về nhà ông H làm dâu được 07 năm. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H ham mê cá độ làm nợ, bà phải vào Bình Dương làm việc kiếm tiền gửi về nuôi hai con, ông H không quan tâm đến vợ con, chỉ ham ăn chơi, bạn bè. Ông bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng càng cố gắng hàn gắn thì mâu thuẫn càng trầm trọng, ông H không chịu thay đổi tính nết. Khoảng cuối năm 2020 bà vào Bình Dương làm việc, ông bà sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy đời sống hôn nhân đã không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã không còn, có hàn gắn cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương H.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương V – sinh ngày 03/8/2010 và Trương L – sinh ngày 03/8/2012, hiện 02 con đang sống với bà, nguyện vọng của bà xin được nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trương H: theo biên bản xác minh tại thôn 01, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì ông Trương H có hộ khẩu tại thôn 01, xã C, huyện T. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho gia đình ông H và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Trương H theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện  
Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trương H không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao 02 con chung tên Trương V – sinh ngày 03/8/2020 và Trương L – sinh ngày 03/8/2012 cho bà C nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn C khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với ông Trương H, do đó đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trương H có nơi cư trú tại thôn 01, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Nguyễn C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn C và ông Trương H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà C trình bày ông H ham mê cá độ, không quan tâm và chăm sóc vợ con, ông bà nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng ông H vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông bà không còn chung sống gần 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông H không chấp hành, điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà C. Quá trình xác minh tại địa phương và qua làm việc với gia đình ông H đều xác định bà C không còn chung sống với ông H. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông H trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương

sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn C.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Trương V – sinh ngày 03/8/2010 và Trương L – sinh ngày 03/8/2012, hiện 02 con đang sống với bà C, nguyện vọng của bà xin được nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Trương V, Trương L đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ, việc giao các cháu cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu, nên giao cho bà C là người tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không trực tiếp nuôi con chung cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật tại một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà C là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn C đối với ông Trương H.

Bà Nguyễn C được ly hôn với ông Trương H.

3/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương V – sinh ngày 03/8/2010 và Trương L – sinh ngày 03/8/2012 cho bà Nguyễn C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà C có quyền khởi kiện yêu cầu ông Trương H cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Trương H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: bà Nguyễn C phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà C đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0002776 ngày 30/3/2021 của C cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà C đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

**Lâm Thị Mỹ Kỳ**

